



So sánh chương trình đào tạo cử nhân khoa học giáo dục

Mai Quang Huy*

Trường Đại học Giáo dục, ĐHQG Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 22 tháng 9 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 02 tháng 02 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 05 tháng 02 năm 2018

Tóm tắt: Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục là một trong những nội dung của nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo. Điều quan trọng là đào tạo được đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc tế. Dựa trên việc so sánh chương trình đào tạo cử nhân khoa học giáo dục ở nước ta với chương trình đào tạo cử nhân khoa học giáo dục của Trường Đại học Hiroshima, Nhật Bản, bài viết đề xuất một số định hướng cho chương trình cử nhân khoa học giáo dục ở nước ta.

Từ khóa: Khoa học giáo dục, chương trình đào tạo.

1. Đặt vấn đề

“Quan tâm nghiên cứu khoa học giáo dục ..., tập trung đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục. Triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục” [1] là một trong những nhiệm vụ và giải pháp thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Xây dựng chương trình và thực hiện đào tạo cử nhân khoa học giáo dục (KHGD) là một hoạt động cần thiết để triển khai nhiệm vụ và giải pháp này. Hiện nay các trường đại học đang đào tạo cử nhân khoa học giáo dục trong một số chương trình cụ thể như cử nhân tâm lý giáo dục, cử

nhân quản lý giáo dục và cử nhân giáo dục học. Bài viết sử dụng tiếp cận lịch sử của Kandel trong nghiên cứu giáo dục so sánh [2] để so sánh một số chương trình đào tạo cử nhân KHGD ở nước ta với chương trình đào tạo của trường Đại học Hiroshima, một trung tâm đào tạo và nghiên cứu giáo dục của Nhật Bản.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.1.1. Khoa học giáo dục

Trong Bảng phân loại lĩnh vực Khoa học - Công nghệ của Bộ Khoa học - Công nghệ [3], khoa học giáo dục được trình bày như sau:

503. Khoa học giáo dục

50301. **Khoa học giáo dục** nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục, ...

Bao gồm nội dung chính như: Lý luận giáo dục nói chung; Sư phạm học; Đào tạo giáo viên;

*ĐT.: 84-904326283.

Email: huymq@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4100>

Hệ thống giáo dục; Giáo dục trước tuổi đến trường; Giáo dục phổ thông; Giáo dục đại học; Đào tạo sau đại học; Đào tạo liên tục; học tập suốt đời; Bồi dưỡng nghiệp vụ; Đào tạo nghề; Các vấn đề giáo dục và đào tạo chung khác.

50302. *Giáo dục chuyên biệt* (theo đối tượng, cho người khuyết tật,...)

Bao gồm các nội dung chính như: Giáo dục trong các trường hợp đặc biệt; Giáo dục trong các trường chuyên biệt; Giáo dục cho người khuyết tật; chậm phát triển; Giáo dục chuyên biệt khác.

50399. Các vấn đề KHGD khác.

Danh mục giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam [4] định nghĩa: “KHGD là nhóm ngành, nghề tập trung vào các nguyên lý, lý thuyết dạy và học bao gồm phát triển chương trình đào tạo, kiểm tra và đánh giá chương trình, nghiên cứu giáo dục, khoa học giáo dục khác”, và quy định các chương trình đào tạo của nhóm ngành KHGD ở các trình độ đào tạo của GDDH (bảng 1).

Bảng 1. Danh mục các chương trình đào tạo về KHGD.

Trình độ	Cử nhân	Thạc sĩ	Tiến sĩ
Chương trình đào tạo	Giáo dục học	Giáo dục học	Giáo dục học
	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục
		Lí luận và Phương pháp dạy học	Lí luận và Phương pháp dạy học
		Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn	Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn
		Đo lường và Đánh giá trong giáo dục	Đo lường và Đánh giá trong giáo dục
		Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy	Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy
		Giáo dục quốc tế và so sánh	Giáo dục quốc tế và so sánh
		Giáo dục đặc biệt	Giáo dục đặc biệt
		Giáo dục đặc biệt	Lí luận và Lịch sử giáo dục

Theo Trần Thị Tuyết Oanh và các cộng sự, giáo dục học là một bộ môn KHGD chuyên nghiên cứu bản chất, quy luật, các khuynh hướng và tương lai phát triển của quá trình giáo dục, với các nhân tố và phương tiện phát triển con người như một nhân cách trong suốt toàn bộ cuộc sống. Với sự phát triển của khoa học theo hướng phân hóa và tích hợp, trong những năm gần đây, KHGD không ngừng phát triển, hình thành nhiều chuyên ngành mới như Triết học giáo dục, Lịch sử giáo dục, Giáo dục so sánh, Kinh tế học giáo dục, Xã hội học giáo dục, Quản lý giáo dục... [5].

Như vậy, giáo dục học (*pedagogy*) là một bộ môn của KHGD chuyên nghiên cứu về quá trình giáo dục; còn KHGD (*education study*) là một lĩnh vực khoa học rộng lớn, với giáo dục học và các bộ môn mang tính chất liên ngành giữa giáo dục học với triết học, lịch sử, kinh tế học, xã hội học, đất nước học, nghiên cứu về tất cả các khía cạnh của giáo dục và đào tạo trong

nhà trường và trong xã hội nhằm định hướng cho sự phát triển của giáo dục.

2.1.2. Nghiên cứu KHGD

Nghiên cứu KHGD đang là một nhu cầu khẩn thiết để xây dựng cơ sở lý luận dẫn đường cho cải cách giáo dục, cũng như để thu thập và phân tích thông tin làm cơ sở cho những quyết sách về giáo dục. Chương trình nghiên cứu phát triển KHGD đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam (gọi tắt là Chương trình KHGD) đang được tiến hành nhằm “nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu KHGD, góp phần giải đáp những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong quá trình đổi mới căn bản toàn diện giáo dục-đào tạo Việt Nam”. Những mục tiêu cụ thể được nêu ra là: 1. Phát triển KHGD Việt Nam tiếp cận trình độ KHGD thế giới đáp ứng yêu cầu của sự phát triển giáo dục - đào tạo trong giai đoạn tới; 2. Cung cấp luận cứ khoa học cho việc đổi mới quá trình giáo dục - đào tạo và quản lý giáo dục - đào tạo;

3. Xây dựng được các phương pháp luận, các tiêu chí và chỉ số thống kê của một số dữ liệu giáo dục cơ bản của Việt Nam [6].

Ba nhóm vấn đề cần tập trung nghiên cứu trong Chương trình KHGD là: 1. Nghiên cứu phát triển KHGD; 2. Nghiên cứu cung cấp luận cứ khoa học và thực tế để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp của Nghị quyết 29, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và các nhiệm vụ chủ yếu của ngành; 3. Nghiên cứu xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ sở dữ liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn đảm bảo của ngành [7]. Nghiên cứu phát triển KHGD không phải là công việc chỉ làm một lần mà phải là một hoạt động thường xuyên, nhằm định hướng cho việc phát triển giáo dục và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Đề phát triển các nghiên cứu KHGD theo trình độ quốc tế, điều cần thiết là phải phát triển đội ngũ nhân lực làm nhiệm vụ nghiên cứu KHGD ở các trình độ đại học và sau đại học, và xây dựng chương trình đào tạo về KHGD là việc làm quan trọng và cần thiết.

2.2. Một số chương trình đào tạo cử nhân về khoa học giáo dục

2.2.1. Trong nước

Theo khảo sát trên website, các trường đang thực hiện hai chương trình đào tạo cử nhân Tâm lý giáo dục và cử nhân quản lý giáo dục là Trường ĐHSP Hà Nội, Trường Đại học Quy Nhơn, Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Quản lý Giáo dục. Ngoài hai chương trình này, Học viện Quản lý Giáo dục còn có chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục học. Các trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên, ĐHSP - Đại học Huế đào tạo cử nhân Tâm lý giáo dục; các trường Đại học Vinh, Đại học Đồng Tháp và Đại học Giáo dục - ĐHQGHN đào tạo cử nhân quản lý giáo dục.

2.2.2. Chương trình khung đào tạo cử nhân Tâm lý giáo dục và Quản lý giáo dục

Chương trình khung của hai ngành Tâm lý giáo dục và Quản lý giáo dục được quy định tại Chương trình khung đào tạo trình độ đại học

khối ngành sư phạm do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [8].

a) Mục tiêu đào tạo

Cử nhân tâm lý giáo dục: Đào tạo cử nhân Tâm lý - Giáo dục có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giảng dạy Tâm lý học và Giáo dục học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; có thể nghiên cứu khoa học tâm lý và giáo dục tại các cơ sở nghiên cứu; có đủ năng lực tự học, tự nghiên cứu để có thể học tiếp lên trình độ cao hơn trong cùng lĩnh vực khoa học.

Cử nhân quản lý giáo dục: Học xong chương trình này người học chiếm lĩnh được các tri thức chung về hành chính giáo dục và quản lý giáo dục; có khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chuyên viên hành chính giáo dục và cán bộ quản lý giáo dục trong lĩnh vực văn hóa giáo dục; chương trình góp phần tạo nguồn nhân lực cho việc xây dựng nền hành chính giáo dục chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

b) Nội dung đào tạo

Xuất phát từ mục tiêu nói trên, chương trình khung cũng quy định những môn học bắt buộc của hai chương trình này (xem bảng 2). Tại thời điểm 2006, trong niên chế, chương trình đào tạo có khối lượng 210 đvht trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương là 80 đvht và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 130 đvht (Bảng 2).

Trên cơ sở chương trình khung, các cơ sở giáo dục đại học bổ sung các môn học để đảm bảo khối lượng của chương trình đào tạo.

2.2.3. Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục học (Học viện Quản lý Giáo dục)

Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục học của Học viện Quản lý Giáo dục [9] có các thành phần như sau.

a) Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên môn toàn diện về ngành đào tạo; kỹ năng áp dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn; năng lực làm việc độc lập; năng lực nghiên cứu, tự học và sáng tạo.

Bảng 2. Các môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo Tâm lý giáo dục và Quản lý giáo dục

Tâm lý Giáo dục		Quản lý giáo dục	
Khối kiến thức giáo dục đại cương	80	Khối kiến thức giáo dục đại cương	80
Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
Tâm lý học	5	Tâm lý học	5
Giáo dục học	6	Giáo dục học	6
Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành giáo dục và đào tạo	2	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành giáo dục và đào tạo	2
Sinh lý học hoạt động thần kinh	4	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3
Đại cương văn hóa Việt Nam	3	Logic học	3
Xã hội học đại cương	3		
Môi trường và phát triển	3		
Thống kê trong khoa học xã hội	3		
Cộng	33	Cộng	23
Giáo dục chuyên nghiệp	130	Giáo dục chuyên nghiệp	130
Tâm lý học nhận thức	3	Xác suất và thống kê trong giáo dục	3
Tâm lý học nhân cách	3	Kinh tế học giáo dục	2
Tâm lý học giao tiếp	3	Xã hội học giáo dục	2
Tâm lý học phát triển	3	Điều khiển học và Lý thuyết hệ thống	3
Tâm lý học dạy học	3	Bảo đảm chất lượng trong giáo dục	3
Lịch sử giáo dục Việt Nam	3	Lịch sử các tư tưởng giáo dục	2
Tổ chức hoạt động giáo dục	4	Nghiệp vụ quản lý hành chính trong các cơ sở GD	2
Tổ chức hoạt động dạy học	3	Tâm lý học quản lý	3
Đánh giá trong giáo dục	3	Nhân cách và lao động của người cán bộ QLGD	3
Lý luận dạy học Tâm lý học và Giáo dục học	4	Cơ sở pháp lý trong giáo dục và QLGD	2
Tổ chức và quản lý trường học	3	Đại cương về quản lý và QLGD	3
		Kế hoạch hóa phát triển giáo dục	3
		Hệ thống thông tin trong QLGD	2
		Hệ thống giáo dục quốc dân và bộ máy QLGD	3
		Kiểm tra và thanh tra trong giáo dục	3
		Tổ chức và Quản lý cơ sở giáo dục – nhà trường	2
		Phát triển nguồn nhân lực và quản lý nhân sự trong giáo dục	3
		Quản lý tài chính và cơ sở vật chất trong giáo dục	2
		Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường	2
		Phát triển chương trình đào tạo	3
		Lý luận dạy học hiện đại	4
Cộng	35	Cộng	55

Chương trình trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, chuyên sâu về giáo dục, trong đó có ba hướng chuyên sâu của ngành như: tham vấn và công tác xã hội; giảng dạy và tổ chức hoạt động giáo dục; đánh giá trong giáo dục (tập trung vào đánh giá lớp học), giảng dạy giáo dục học và các môn liên quan. Nhóm tham vấn học đường chú trọng đào tạo sinh viên có kiến thức và kỹ năng trong việc tổ chức nghiên

cứ, triển khai quá trình tham vấn học đường cho các đối tượng có nhu cầu trong trường học. Nhóm đánh giá giáo dục tập trung vào việc trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng đánh giá lớp học, người học, người dạy, chương trình học. Nhóm giảng dạy hướng tới việc trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để nghiên cứu và giảng dạy các học phần về giáo dục học và các học phần liên quan.

b) Nội dung chương trình đào tạo
Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục học bao gồm các học phần với khối lượng được trình bày trong bảng 3.

c) Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Tham vấn tâm lý trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt trong hệ thống các trường phổ thông. Tham vấn tâm lý tại các cơ sở, trung tâm tham

vấn tư vấn tâm lý ngoài xã hội cho các đối tượng có nhu cầu.

- Cán bộ đánh giá giáo dục nói chung, chương trình giáo dục, đánh giá lớp học, người học, người dạy tại các cơ sở giáo dục. Cán bộ về đánh giá giáo dục, tác động của giáo dục hoặc các vị trí có liên quan ở các tổ chức phi chính phủ.

Bảng 3. Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục học

TT	Học phần	Số tc	Học kì
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương	34	
I	Phần kiến thức chung (không kể giáo dục thể chất và quốc phòng)	25	
1	Chủ nghĩa Mac-Lê-nin; Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	10	
2	Tiếng Anh 1 và 2	6	2 và 4
3	Logic học	3	1
4	Pháp luật đại cương	3	1
5	Tin học cơ sở	3	1
6	Giáo dục thể chất	4	
7	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	
II	Phần kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	9	
II.1	<i>Bắt buộc</i>	6	
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
9	Thống kê cho khoa học xã hội	3	3
II.2	<i>Tự chọn: Chọn 1 trong 4 học phần</i>	3/12	
10	Môi trường và con người; Đại cương Dân tộc và Tôn giáo; Dân số và phát triển; Cơ sở Văn hóa Việt Nam.	3	2
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	100	
III	Phần kiến thức cơ sở ngành	33	
III.1	<i>Bắt buộc</i>	24	
11	Tâm lý học đại cương	3	1
12	Xã hội học đại cương	3	1
13	Giáo dục học đại cương	3	2
14	Công tác xã hội đại cương	3	1
15	Tâm lý học phát triển	3	2
16	Tâm lý học giáo dục	3	3
17	Lý thuyết Đo lường và Đánh giá	3	5
18	Lịch sử giáo dục	3	3
III.2	<i>Tự chọn: Chọn 3 trong 6 học phần.</i>	9/27	
19	Tâm lý học xã hội; Tâm lý học tham vấn; Xã hội học giáo dục; Kỹ năng tổ chức sự kiện; Kỹ năng giao tiếp; Tâm lý học dạy học	9	4
IV	Phần kiến thức ngành	54	
IV.1	<i>Bắt buộc</i>	45	
20	Lý luận dạy học	3	3
21	Lý luận giáo dục	3	4
22	Giáo dục học mầm non	3	5
23	Giáo dục học phổ thông	3	5
24	Giáo dục học đại học	3	6
25	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	6
26	Phương pháp dạy học Giáo dục học	3	5

27	Giáo dục sức khỏe sinh sản	3	7
28	Giáo dục kỹ năng sống	3	6
29	Giáo dục hành vi lệch chuẩn	3	7
30	Tham vấn học đường	3	3
31	Giáo dục gia đình	3	5
32	Giáo dục giá trị	3	6
33	Tiếng Anh chuyên ngành	3	5
IV.2	<i>Tự chọn: Sinh viên lựa chọn một trong ba nhóm chuyên môn dưới đây</i>	12	
34	<i>Tham vấn và công tác xã hội (chọn 4 học phần):</i> Giáo dục sớm, Giáo dục hướng nghiệp, Tâm bệnh lý trẻ em và thanh thiếu niên, Tư vấn nghề nghiệp và việc làm, Công tác xã hội với nhóm, Công tác xã hội với cá nhân.	12	
35	<i>Giảng dạy và tổ chức hoạt động giáo dục (chọn 4 học phần):</i> Giáo dục giới tính, Lí luận dạy học người lớn, Công nghệ dạy học, Lí luận dạy học đại học, Giáo dục hòa nhập, Phương pháp và kỹ thuật dạy học.	12	
36	<i>Đánh giá trong giáo dục (chọn 4 học phần):</i> Đánh giá nghiên cứu khoa học, Đánh giá chương trình đào tạo, Đánh giá hoạt động dạy học, Đánh giá theo năng lực người học, Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập, Đánh giá hoạt động giáo dục.	12	
V	<i>Phần kiến thức thực tập nghiệp vụ</i>	7	
37	Thực tập 1	3	6
38	Thực tập 2	4	8
VI	<i>Phần khóa luận</i>	6	
39	Khóa luận	6	8
	Tổng cộng	134	

- Giảng dạy Giáo dục học cho các cơ sở GDĐH, cao đẳng, trung cấp. Giảng dạy về những lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành được đào tạo tại các cơ sở giáo dục nói chung và các cơ sở giáo dục chuyên biệt nói riêng.

- Nghiên cứu các đề tài về giáo dục, các dự án có liên quan đến giáo dục.

- Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ và tiến sĩ.

2.2.2. Ngoài nước: Chương trình đào tạo cử nhân KHGD (Đại học Hiroshima, Nhật Bản)

a) Giới thiệu về Đại học Hiroshima

Đại học Hiroshima là một trong các trường đại học quốc lập của Nhật Bản. Khoa Giáo dục được thành lập vào năm 1949 cùng thời gian với việc thành lập Đại học Hiroshima. Tiền thân của khoa là năm trường chuyên nghiệp có truyền thống trong lĩnh vực giáo dục ở Hiroshima là Trường Cao đẳng Sư phạm Hiroshima (thành lập năm 1902), Khoa Giáo dục của Trường Đại học Khoa học và Văn học Hiroshima (thành lập năm 1929), Trường Trung cấp Sư phạm Hiroshima (thành lập năm 1943 trên cơ sở Trường Hakushima thành lập năm 1874), Trường Trung

cấp Sư phạm Thanh niên Hiroshima (thành lập năm 1944) và Trường Cao đẳng Sư phạm Nữ sinh Hiroshima (thành lập năm 1945). Đây là đơn vị đào tạo duy nhất ở Nhật Bản được hợp nhất từ 5 cơ sở đào tạo về nghiên cứu giáo dục và đào tạo giáo viên. Kể từ đó, Khoa Giáo dục trở thành một trung tâm lớn làm nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu về giáo dục ở Nhật Bản. Những người tốt nghiệp từ Khoa Giáo dục có thể thực hiện công việc giảng dạy và nghiên cứu trong các trường đại học, viện nghiên cứu; trở thành giáo viên phổ thông, mầm non; trở thành công chức trong cơ quan quản lý giáo dục các cấp, nhân viên các cơ quan liên quan đến giáo dục; và các nhà lãnh đạo dân sự trong các tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp [10].

b) Mục tiêu đào tạo và khung năng lực

Chương trình đào tạo cử nhân KHGD nhằm:

- Cung cấp kiến thức mang tính hệ thống về các KHGD, nhằm đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn với kiến thức ở trình độ cao về giáo dục và năng lực phán đoán có tính tổng hợp.

- Cùng với việc giúp sinh viên học tập và nghiên cứu các lý thuyết, các tư tưởng, các sự kiện và những thách thức khác nhau liên quan đến giáo dục từ các quan điểm triết học, lịch sử, xã hội học và quốc tế, chương trình còn giúp người học có thể tiến hành các kiểm tra về lý thuyết và thực tiễn về các nhóm vấn đề cụ thể liên quan đến quản trị nhà trường, quản lý giáo dục, giáo dục xã hội và học tập suốt đời.

- Hoàn thành chương trình, ngoài việc đi học sau đại học để tiến hành các nghiên cứu khoa học tiên tiến hơn, người học có thể sử dụng các chuyên môn về KHGD để thực hiện các công việc của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, các chuyên gia về hợp tác và phát triển trong lĩnh vực giáo dục, những người có thể hoạt động tích cực trong các lĩnh vực khác nhau.

Về hiểu biết và năng lực, chương trình giúp người học:

- Thu nhận được các tri thức và hiểu biết về các khoa học liên quan đến giáo dục;

- Có được các phương pháp nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu, thông tin và tư liệu liên quan đến giáo dục;

- Hình thành năng lực phân tích, phán đoán đối với các vấn đề giáo dục cụ thể;

- Hình thành năng lực lập chính sách, năng lực cải tiến, giải quyết vấn đề, năng lực nghiên cứu và phát triển về giáo dục [11].

c) Nội dung chương trình

Khung chương trình đào tạo cử nhân KHGD được tiến hành theo bảng 4, và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chương trình được trình bày trong bảng 5.

Bảng 4. Khung chương trình đào tạo cử nhân KHGD tại Đại học Hiroshima

Học phần theo lĩnh vực		Số tín chỉ bắt buộc		Ghi chú		
Giáo dục đại cương	Học phần cốt lõi	Xemina Giáo dục đại cương		46	Sinh viên tích lũy tín chỉ tại Khoa Khoa học tổng hợp	
		Học phần hòa bình				2
		Các gói học phần khác				6
	Học phần chung	Ngoại ngữ	Tiếng Anh			8
			Ngôn ngữ khác			4
		Học phần thông tin				2
		Học phần theo lĩnh vực				(20)
	Học phần về sức khỏe, thể dục		2			
Học phần cơ bản		(0)				
Giáo dục chuyên nghiệp	Học phần cơ sở ngành (i)		16	46	Số tín chỉ phải tích lũy tối thiểu 16/22 từ "Học phần cơ sở ngành" và 20/52 từ "Học phần chuyên ngành"; nhưng tổng số cho "Học phần cơ sở ngành" và "Học phần chuyên ngành" là 46.	
	Học phần chuyên ngành	<Phương pháp nghiên cứu>				20
		<Xemina cơ bản về lĩnh vực>				
		<Xemina các vấn đề của lĩnh vực> (ii)				
		Xemina tổng hợp giáo dục học A				
	Xemina tổng hợp giáo dục học B		1			
	Học phần chuyên ngành tự chọn (iii)		28			
Nghiên cứu tốt nghiệp	Nghiên cứu vấn đề (iv)		2	8		
	Khóa luận tốt nghiệp		6			
Tổng số		128				

Ghi chú:

- (i) Các học phần cơ sở ngành cũng được tính là các học phần trong chương trình cấp chứng chỉ dạy học (văn bằng cử nhân sư phạm) khi tốt nghiệp.
(ii) 2 tín chỉ được lựa chọn ở học phần này phải tương ứng với hướng lĩnh vực sẽ làm khóa luận tốt nghiệp
(iii) Có thể lựa chọn các học phần trong chương trình cấp chứng chỉ dạy học để có chứng chỉ dạy học.
(iv) Nghiên cứu vấn đề theo hướng khóa luận của sinh viên.

Bảng 5. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chương trình.

Mục tiêu/ Hình thức	Học phần	Số tc	Học kỳ	
Các học phần cơ sở ngành: <i>Mục tiêu:</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của các khoa học liên quan đến giáo dục. <i>Hình thức:</i> thông qua việc giảng dạy trên lớp.	Triết học giáo dục	2	2	
	Lịch sử giáo dục phương Đông và Nhật Bản	2	1	
	Lịch sử giáo dục phương Tây	2	2	
	Xã hội học giáo dục	2	2	
	Phương pháp giáo dục	2	2	
	Giáo dục xã hội	2	1	
	Quản lí giáo dục	2	1	
	Giáo dục so sánh	2	2	
	Quản trị nhà trường	2	2	
	Giáo dục học trẻ em	2	1	
	Khái luận giáo dục đại học	2	4	
	Các học phần chuyên ngành: <i>Hình thức:</i> Xemina.	Phương pháp nghiên cứu: Trang bị cho người học các phương pháp nghiên cứu KHGD	Luyện tập cách đọc các tài liệu giáo dục nước ngoài I	2
Luyện tập cách đọc các tài liệu giáo dục nước ngoài II			2	4
Luyện tập phương pháp điều tra thống kê giáo dục			4	5
Luyện tập thực địa giáo dục			2	4
Luyện tập phương pháp nghiên cứu giáo dục I			2	5
Luyện tập phương pháp nghiên cứu giáo dục II			2	6
Xemina cơ bản về các lĩnh vực: Hình thành và phát triển năng lực thu thập dữ liệu, thông tin, tư liệu liên quan đến giáo dục.		Xemina về Triết học giáo dục	2	3
		Xemina về Lịch sử giáo dục phương Đông và Nhật Bản	2	4
		Xemina về Lịch sử giáo dục phương Tây	2	3
		Xemina về Xã hội học giáo dục	2	3
		Xemina về Phương pháp giáo dục	2	3
		Xemina về Giáo dục xã hội	2	4
		Xemina về Quản lí giáo dục	2	4
		Xemina về Giáo dục so sánh	2	3
		Xemina về Quản trị nhà trường	2	3
Xemina về Giáo dục học trẻ em		2	4	
Xemina các vấn đề của lĩnh vực: Hình thành và phát triển năng lực phân tích, đánh giá đối với các vấn đề cụ thể của giáo dục.		<i>Lựa chọn một trong các vấn đề:</i> Triết học giáo dục, Lịch sử giáo dục phương Đông và Nhật Bản, Lịch sử giáo dục phương Tây, Xã hội học giáo dục, Phương pháp giáo dục, Giáo dục xã hội, Quản lí giáo dục, Giáo dục so sánh, Quản trị nhà trường <i>theo định hướng khóa luận tốt nghiệp.</i>	2	5-6
Các học phần tự chọn		Xemina tổng hợp giáo dục học A	1	4
		Xemina tổng hợp giáo dục học B	1	6
Nghiên cứu tốt nghiệp		Nghiên cứu vấn đề: Vấn đề của khóa luận tốt nghiệp.	2	7-8
		Khóa luận tốt nghiệp	6	8

d) Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp
Sau khi hoàn thành chương trình, người học tùy theo nhu cầu của xã hội và năng lực,

nguyện vọng của bản thân để lựa chọn nơi làm việc. Trong một vài năm gần đây, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp cử nhân KHGD tham gia vào các

lĩnh vực học tập và nghề nghiệp như sau: Làm việc trong ngành giáo dục: 29% (trong đó, công chức trong các cơ quan quản lý giáo dục: 18%; giáo viên: 11%). Tiếp tục theo học cao học để trở thành những nhà nghiên cứu và giảng dạy đại học: 28%; Làm việc trong các doanh nghiệp: 27%; Làm việc trong các lĩnh vực khác: 16% [12].

2.3. Phân tích so sánh

So sánh các chương trình đào tạo về khoa học giáo dục của Việt Nam với chương trình đào tạo cử nhân khoa học giáo dục của Đại học Hiroshima, Nhật Bản có thể rút ra một số nhận xét sau:

Đào tạo về cử nhân khoa học giáo dục tại Việt Nam: một số trường đại học, học viện đào tạo cử nhân tâm lý giáo dục và (hoặc) cử nhân quản lý giáo dục; ngoài ra Học viện Quản lý Giáo dục có chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục học. Cử nhân Tâm lý Giáo dục được đào tạo để “giảng dạy Tâm lý học và Giáo dục học”, và “có thể nghiên cứu khoa học Tâm lý và Giáo dục”. Còn cử nhân Quản lý giáo dục “có khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chuyên viên hành chính giáo dục và cán bộ quản lý giáo dục trong lĩnh vực văn hóa giáo dục”. Vì vậy, phần này sẽ chỉ so sánh chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục học của Học viện Quản lý Giáo dục với chương trình đào tạo cử nhân KHGD của Đại học Hiroshima.

Về mục tiêu đào tạo: Cả hai chương trình đào tạo đều nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, chuyên sâu, hiện đại về giáo dục qua đó hình thành nên các năng lực cần thiết cho người được đào tạo, từ đó có sự phân hóa người học theo các hướng chuyên môn khác nhau. Chương trình của Học viện Quản lý Giáo dục hướng đến ba lĩnh vực liên quan đến giáo dục nhà trường là Tham vấn và công tác xã hội, Giảng dạy và tổ chức hoạt động giáo dục và Đánh giá trong giáo dục. Chương trình của Đại học Hiroshima trang bị cho người học một nền tảng khoa học giáo dục rộng và các phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu, để từ đó người học đi sâu vào một trong số các lĩnh vực triết học giáo dục, lịch sử giáo dục, xã hội học giáo dục, giáo

dục xã hội, phương pháp giáo dục, quản lý giáo dục, quản trị nhà trường, giáo dục so sánh.

Về nội dung đào tạo: Một số điều so sánh được thể hiện ở Bảng 6 dưới đây.

Bảng 6. So sánh nội dung chương trình đào tạo

	Học viện Quản lý Giáo dục	Đại học Hiroshima
Khối lượng	134 tín chỉ (giáo dục đại cương: 34, giáo dục chuyên nghiệp: 100)	128 tín chỉ (giáo dục đại cương: 46, giáo dục chuyên nghiệp: 82).
Khối lượng của 1 học phần	Chủ yếu là 3 tín chỉ.	Chủ yếu là 2 tín chỉ.
Kiến thức cơ sở ngành	Gồm các học phần đại cương về Tâm lý học, Giáo dục học, Xã hội học, Công tác xã hội và một số học phần lý luận (chủ yếu về Tâm lý).	Gồm các chuyên ngành khác nhau của KHGD, không có học phần nào về tâm lý.
Đối với kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Các học phần thực hiện theo các hình thức lên lớp.	Kiến thức cơ sở ngành thực hiện theo hình thức lên lớp; kiến thức ngành, chuyên ngành: xemina.
Phương pháp nghiên cứu	Có 3 học phần (9 tín chỉ) liên quan đến phương pháp nghiên cứu.	Có 6 học phần (14 tín chỉ) liên quan đến phương pháp nghiên cứu.
Kiến thức lựa chọn	Các mảng kiến thức có một số học phần để sinh viên lựa chọn.	Chương trình dành 28/128 tín chỉ để sinh viên lựa chọn trong các chương trình khác của nhà trường.
Các chuyên ngành	Có 3 chuyên ngành, mỗi chuyên ngành có 12 tín chỉ các học phần chuyên môn.	Có 8 chuyên ngành. Mỗi chuyên ngành gồm xemina về vấn đề và nghiên cứu vấn đề (4 tín chỉ).
Thực tập	Có 7 tín chỉ dành cho thực tập được thực hiện ở học kì 6 và học kì 8.	Không có thực tập.

Từ những so sánh trên, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Chương trình của Học viện Quản lý Giáo dục chú trọng nhiều hơn đến khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, được xây dựng trên một nền tảng Tâm lý học vững chắc, dành gần 7% khối lượng chương trình cho kiến thức về nghiên cứu khoa học, các chuyên ngành có sự khác nhau bởi 12 tín chỉ chuyên ngành, chương trình dành 7 tín chỉ cho việc thực tập.

Chương trình của Đại học Hiroshima có sự cân đối giữa khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, được xây dựng trên nền tảng của các KHGD nhưng không có cơ sở Tâm lý, dành trên 10% khối lượng chương trình cho phương pháp nghiên cứu, dành trên 20% chương trình cho sinh viên tự chọn các học phần mà thực chất đây là khối lượng sinh viên có thể bổ sung các học phần của chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm để khi ra trường ngoài văn bằng cử nhân KHGD, họ còn có được chứng chỉ giáo viên phổ thông, trong chương trình không có phần thực tập nhưng phần lớn khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được quy định thực hiện theo hình thức xemina.

3. Kết luận

Sự phát triển giáo dục và đào tạo luôn cần có sự dẫn đường của KHGD. Các chương trình đào tạo cần trang bị cho người học những phẩm chất và năng lực cần thiết, để họ có thể hoạt động có hiệu quả, đồng thời đáp ứng được sự thay đổi của xã hội và giáo dục.

Các chương trình đào tạo cử nhân về KHGD hiện nay - Tâm lý giáo dục, Quản lý giáo dục và Giáo dục học - tập trung vào “các nguyên lý, lý thuyết dạy và học bao gồm phát triển chương trình đào tạo, kiểm tra và đánh giá chương trình”. Chương trình đào tạo Quản lý giáo dục cung cấp nhân lực có thể đáp ứng được yêu cầu về đội ngũ quản lý giáo dục các cấp. Các chương trình đào tạo về Tâm lý giáo dục và Giáo dục học cung cấp đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu Tâm lý học, Giáo dục học. Đề tập trung vào vào “nghiên cứu giáo dục, khoa học giáo dục khác”, như Danh mục giáo dục – đào tạo đã đề cập, bên cạnh các chương

trình đào tạo đang thực hiện, cần xây dựng một chương trình đào tạo về KHGD.

Từ nghiên cứu so sánh nói trên, chương trình đào tạo cử nhân KHGD trang bị cho người học một nền tảng KHGD hiện đại có hệ thống về triết học và lịch sử giáo dục, tâm lý học giáo dục, xã hội giáo dục, kinh tế học giáo dục, giáo dục so sánh; các kỹ thuật và phương pháp nghiên cứu KHGD; năng lực dạy học và giáo dục trong các cơ sở giáo dục để tạo nên một đội ngũ nhân lực về KHGD phục vụ cho sự phát triển của giáo dục - đào tạo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Hội nghị Trung ương VIII khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Hà Nội, 2013.
- [2] Nguyễn Tiến Đạt, Giáo dục so sánh. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. 2004.
- [3] Bộ Khoa học và Công nghệ. Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ. (Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHHCN ngày 4/9/2008 của Bộ KH&CN và Quyết định số 37/QĐ-BKHHCN ngày 14/01/2009 đính chính Quyết định 12/2008/QĐ - BKHCN). Hà Nội, 6/2011.
- [4] Danh mục giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Theo văn bản số 15/VBHN - BGDĐT ngày 8 tháng 5 năm 2014; và Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT.
- [5] Trần Thị Tuyết Oanh và các cộng sự. Giáo trình Giáo dục học. NXB ĐHSP, Hà Nội 2016.
- [6] Quyết định số 888/QĐ - BKHCN ngày 4 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ KH và CN.
- [7] Công văn số 1069/ BGDĐT-KHCNMT ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT.
- [8] Quyết định số 28/2006/QĐ - BGDĐT ngày 28/6/2006 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT.
- [9] <http://hvqigd.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-nganh-giao-duc-hoc-theo-he-thong-tin-chi-ap-dung-tu-khoa-8.html> và <http://niem.edu.vn/Portals/0/4-3CK-GDH.pdf>.
- [10] Hiroshima University 2002 - 2003. Published by Hiroshima University.
- [11] Sổ tay sinh viên Khoa Giáo dục - Đại học Hiroshima năm 2015 (tiếng Nhật).
- [12] <https://www.hiroshima-u.ac.jp/system/files/26120/kyouikugaku26.pdf> (tiếng Nhật).

Comparing Educational Studies Curricula

Mai Quang Huy

VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: Improving the qualification of education researchers and specialists is one of the tasks of the fundamental and comprehensive reform of education and training. It is important to train qualified researchers and educators capable of meeting the international standards. This paper compares the bachelor's Educational Studies curriculum applied in Vietnam and that of Hiroshima University (Japan), and then, proposes some orientations for Vietnam's Educational Studies curriculum.

Keywords: Educational Studies, curriculum.